

BÁO CÁO

Kết quả khoan nợ, xóa nợ tiền thuế, tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn (Số liệu tính từ ngày 01/7/2020 đến ngày 30/6/2023)

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

UBND tỉnh báo cáo kết quả khoan nợ, xóa nợ tiền thuế, tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn trong 3 năm (2020-2023), cụ thể như sau:

I. CĂN CỨ THỰC HIỆN

- Luật Quản lý thuế năm 2019, trong đó có quy định về các trường hợp được xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt tại Điều 85 và thẩm quyền xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt tại Điều 87 của Luật này (Luật Quản lý thuế năm 2019).

- Nghị quyết số 94/2019/QH14 được Quốc hội khóa XIV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2019 quy định về khoan nợ tiền thuế, xóa nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp đối với người nộp thuế không còn khả năng nộp ngân sách nhà nước, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2020 và được tổ chức thực hiện trong thời hạn 03 năm kể ngày có hiệu lực thi hành (Nghị quyết số 94).

- Thông tư số 69/2020/TT-BTC ngày 15/7/2020 của Bộ Tài chính quy định hồ sơ và trình tự, thủ tục xử lý nợ theo Nghị quyết số 94/2019/QH14, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2020 và được tổ chức thực hiện trong thời hạn 03 năm kể ngày có hiệu lực thi hành (hết hiệu lực ngày 01/7/2023).

- Chỉ thị số 03/CT-BTC ngày 19/3/2020 của Bộ Tài chính về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 94/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội về khoan nợ tiền thuế, xóa nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp đối với người nộp thuế không còn khả năng nộp ngân sách nhà nước.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Tình hình thực hiện xử lý nợ theo Luật Quản lý thuế năm 2019

Thực hiện khoản 5 Điều 87 Luật Quản lý thuế năm 2019 quy định: “*Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo tình hình kết quả xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt cho Hội đồng nhân dân cùng cấp vào kỳ họp đầu năm...*”, qua 03 năm triển khai thực hiện Luật Quản lý thuế năm 2019 (từ ngày 01/7/2020 đến ngày 30/6/2023), UBND tỉnh chưa ban hành quyết định xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt do không có trường hợp nào thuộc các trường hợp được xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt quy định tại Điều 85 Luật Quản lý thuế năm 2019.

2. Tình hình thực hiện xử lý nợ theo Nghị quyết số 94/2019/QH14

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 94/2019/QH14 quy định: “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm sau đây: ... Báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp kết quả xử lý nợ hằng năm khi trình Hội đồng nhân dân phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương”, do vậy, trong 02 năm 2021 và năm 2022, UBND tỉnh đã tổng hợp số liệu vào các báo cáo quyết toán ngân sách địa phương hàng năm theo quy định.

Kết quả thực hiện xử lý nợ theo Nghị quyết số 94 tính từ ngày 01/7/2020 đến ngày 30/6/2023, cụ thể như sau:

- Xử lý khoan nợ (thẩm quyền Cục trưởng Cục Thuế tỉnh): Đã ban hành 224 quyết định khoan nợ đối với 1.052 người nộp thuế, số tiền khoan nợ là 94.680 triệu đồng, trong đó: khoan nợ đối với 378 doanh nghiệp, tổ chức với số tiền là 94.206 triệu đồng, khoan nợ đối với 674 hộ kinh doanh, cá nhân với số tiền 474 triệu đồng.

- Xử lý xóa nợ (thẩm quyền Chủ tịch UBND tỉnh): Đã ban hành 31 quyết định xóa nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp (xóa nợ) đối với 905 người nộp thuế với số tiền được xóa nợ là 32.889 triệu đồng, trong đó: xóa nợ đối với 326 doanh nghiệp, tổ chức với số tiền là 32.580 triệu đồng; khoan nợ đối với 579 hộ kinh doanh, cá nhân với số tiền 309.600 triệu đồng.

(Có biểu chi tiết kèm theo)

3. Chi tiết kết quả thực hiện xử lý nợ

3.1. Tại Văn phòng Cục Thuế tỉnh

Tổng số người nộp thuế và số tiền thuế nợ đủ điều kiện xử lý nợ theo Nghị quyết số 94 là 241 người nộp thuế với tổng số tiền là 88.258 triệu đồng (giảm 18 người nộp thuế và giảm 34.646 triệu đồng so với số liệu báo cáo năm 2021), nguyên nhân là do một số doanh nghiệp chuyển sang nợ có khả năng thu hoặc được xử lý nợ theo Luật Quản lý thuế năm 2019. Tiền chậm nộp tại thời điểm ngày 30/6/2020 là 41.239 triệu đồng.

Kết quả xử lý nợ từ ngày 01/7/2020 đến ngày 30/6/2023:

- Khoan nợ (thẩm quyền Cục trưởng Cục Thuế): khoan nợ đối với 182 người nộp thuế, số tiền khoan nợ 85.097 triệu đồng, lý do khoan nợ: theo khoản 2, khoản 4 và khoản 5 Điều 4 Nghị quyết số 94.

- Xóa nợ (thẩm quyền Chủ tịch UBND tỉnh): xóa nợ đối với 165 người nộp thuế là doanh nghiệp, tổ chức, số tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp được xóa nợ là 30.126 triệu đồng, lý do xóa nợ: theo khoản 4 và khoản 5 Điều 4 Nghị quyết số 94. Cụ thể:

+ Năm 2020: xóa nợ đối với 23 người nộp thuế, số tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp được xóa nợ là 10.777 triệu đồng.

+ Năm 2021, 2022: không phát sinh xóa nợ.

+ Năm 2023: xóa nợ đối với 142 người nộp thuế, số tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp được xóa nợ là 19.348 triệu đồng.

Tỷ lệ xóa nợ: đạt 73% (Tổng số tiền đã xử lý xóa nợ / Tổng số tiền chậm nộp tại thời điểm 30/6/2020 = 30.126/41.239 triệu đồng).

3.2. Thành phố Bắc Kạn (Chi cục Thuế khu vực Bắc Kạn - Bạch Thông - Chợ Mới)

Tổng số người nộp thuế và số tiền thuế nợ đủ điều kiện xử lý nợ theo Nghị quyết số 94 là 418 người nộp thuế với tổng số tiền là 7.044 triệu đồng (giảm 90 người nộp thuế và giảm 121 triệu đồng so với số liệu báo cáo năm 2021), nguyên nhân là do một số doanh nghiệp chuyển sang nợ có khả năng thu hoặc được xử lý nợ theo Luật Quản lý thuế năm 2019. Tiền chậm nộp tại thời điểm ngày 30/6/2020 là 1.955 triệu đồng.

Kết quả xử lý nợ từ ngày 01/7/2020 đến ngày 30/6/2023:

- Khoanh nợ (thẩm quyền Chi cục trưởng Chi cục Thuế): khoanh nợ đối với 386 người nộp thuế, số tiền khoanh nợ 6.808 triệu đồng, lý do khoanh nợ chủ yếu theo khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 94.

- Xóa nợ (thẩm quyền Chủ tịch UBND tỉnh): xóa nợ đối với 326 người nộp thuế, số tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp được xóa là 1.555 triệu đồng, trong đó: xóa nợ 88 tổ chức với số tiền 1.405 triệu đồng, xóa nợ 238 cá nhân, hộ kinh doanh với số tiền 150 triệu đồng. Lý do xóa nợ: theo khoản 2, khoản 4 và khoản 5 Điều 4 Nghị quyết số 94. Cụ thể:

+ Năm 2020: xóa nợ đối với 46 người nộp thuế, số tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp được xóa nợ là 763 triệu đồng.

+ Năm 2021, năm 2022: không phát sinh xóa nợ.

+ Năm 2023: xóa nợ đối với 279 người nộp thuế, số tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp được xóa nợ là 792 triệu đồng.

- Hủy Xóa nợ (thẩm quyền Chủ tịch UBND tỉnh): Trên cơ sở đề nghị của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, ngày 15/9/2021, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1705/QĐ-UBND về việc hủy xóa nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp đối với Công ty Cổ phần tư vấn và xây dựng Anh Thắng, địa chỉ Tổ 15, phường Sông Cầu, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

Tỷ lệ xóa nợ: đạt 80% (Tổng số tiền đã xử lý xóa nợ/Tổng số tiền chậm nộp tại thời điểm 30/6/2020 = 1.555/1.955 triệu đồng).

3.3. Huyện Bạch Thông (Chi cục Thuế khu vực Bắc Kạn - Bạch Thông - Chợ Mới)

Tổng số người nộp thuế và số tiền thuế nợ đủ điều kiện xử lý nợ theo Nghị quyết số 94 là 55 người nộp thuế với tổng số tiền là 517 triệu đồng (giảm 01 người

nộp thuế và tăng 3 triệu đồng so với số liệu báo cáo năm 2021), nguyên nhân là do một số doanh nghiệp, cá nhân chuyển sang nợ có khả năng thu hoặc được xử lý nợ theo Luật Quản lý thuế năm 2019 và điều chỉnh số tiền nợ theo quy định. Trong đó, tiền chậm nộp tại thời điểm ngày 30/6/2020 là 223 triệu đồng.

Kết quả xử lý nợ từ ngày 01/7/2020 đến ngày 30/6/2023:

- Khoanh nợ (thẩm quyền Chi cục trưởng Chi cục Thuế): khoanh nợ 55 người nộp thuế, số tiền khoanh nợ là 294 triệu đồng, lý do khoanh nợ: theo khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 94.

- Xóa nợ (thẩm quyền Chủ tịch UBND tỉnh): xóa nợ 55 người nộp thuế, số tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp được xóa nợ là 223 triệu đồng, trong đó: xóa nợ 06 tổ chức với số tiền là 217 triệu đồng, 49 cá nhân với số tiền là 6,4 triệu đồng. Lý do xóa nợ: theo khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 94. Cụ thể: năm 2021 thực hiện xóa nợ đối với 55 người nộp thuế, số tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp được xóa nợ là 223 triệu đồng; các năm 2021, 2022, 2023 không thực hiện xóa nợ.

Tỷ lệ xóa nợ: đạt 100% (Tổng số tiền đã xử lý xóa nợ/Tổng số tiền chậm nộp tại thời điểm ngày 30/6/2020 = 223/223 triệu đồng).

3.4. Huyện Chợ Mới (Chi cục Thuế khu vực Bắc Kạn - Bạch Thông - Chợ Mới)

Tổng số người nộp thuế và số tiền thuế nợ đủ điều kiện xử lý nợ theo Nghị quyết số 94 là 205 người nộp thuế với tổng số tiền là 713 triệu đồng (giảm 32 người nộp thuế và giảm 19 triệu đồng so với số liệu báo cáo năm 2021), nguyên nhân là do một số doanh nghiệp, cá nhân chuyển sang nợ có khả năng thu hoặc được xử lý nợ theo Luật Quản lý thuế năm 2019. Trong đó, tiền chậm nộp tại thời điểm ngày 30/6/2020 là 212 triệu đồng.

Kết quả xử lý nợ từ ngày 01/7/2020 đến ngày 30/6/2023:

- Khoanh nợ (thẩm quyền Chi cục trưởng Chi cục Thuế): khoanh nợ 148 người nộp thuế, số tiền khoanh nợ 563 triệu đồng, lý do khoanh nợ: Khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều 4 Nghị quyết số 94.

- Xóa nợ (thẩm quyền Chủ tịch UBND tỉnh): xóa nợ 183 người nộp thuế, số tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp được xóa nợ là 212 triệu đồng, trong đó xóa nợ đối với 15 tổ chức với số tiền 142 triệu đồng, xóa nợ đối với 168 cá nhân, hộ kinh doanh số tiền là 69 triệu đồng. Lý do xóa nợ: theo khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 94. Cụ thể:

+ Năm 2020, 2022: không phát sinh xóa nợ.

+ Năm 2021: xóa nợ đối với 15 người nộp thuế, số tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp được xóa nợ là 143 triệu đồng.

+ Năm 2023: xóa nợ đối với 168 người nộp thuế, số tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp được xóa nợ là 69 triệu đồng.

Tỷ lệ xóa nợ: đạt 100% (Tổng số tiền đã xử lý xóa nợ/Tổng số tiền chậm nộp

tại thời điểm ngày 30/6/2020 = 212/212 triệu đồng).

3.5. Huyện Ba Bể (Chi cục Thuế khu vực Ba Bể - Ngân Sơn - Pác Nặm)

Tại thời điểm ngày 30/6/2020, số người nộp thuế khó thu không còn khả năng nộp NSNN là 5 người nộp thuế với tổng số tiền là 160 triệu đồng. Trong đó, tiền chậm nộp tại thời điểm ngày 30/6/2020 là 56 triệu đồng.

Kết quả xử lý nợ từ ngày 01/7/2020 đến ngày 30/6/2023:

- Khoanh nợ (thẩm quyền Chi cục trưởng Chi cục Thuế): khoanh nợ đối với 05 người nộp thuế, số tiền khoanh nợ 129 triệu đồng, lý do khoanh nợ: Khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 94.

- Xóa nợ (thẩm quyền Chủ tịch UBND tỉnh): năm 2020 xóa nợ 05 người nộp thuế là tổ chức, doanh nghiệp, số tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp được xóa nợ là 56 triệu đồng. Lý do xóa nợ: theo khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 94.

Tỷ lệ xóa nợ: đạt 100% (Tổng số tiền đã xử lý xóa nợ/Tổng số tiền chậm nộp tại thời điểm ngày 30/6/2020 = 56/56 triệu đồng).

3.6. Huyện Ngân Sơn (Chi cục Thuế khu vực Ba Bể - Ngân Sơn - Pác Nặm)

Tại thời điểm ngày 30/6/2020, số người nộp thuế khó thu không còn khả năng nộp NSNN là 67 người nộp thuế với tổng số tiền là 433 triệu đồng, xử lý nợ đạt 100% so với thời điểm ngày 30/6/2020. Tiền chậm nộp tại thời điểm ngày 30/6/2020 là 150 triệu đồng.

Kết quả xử lý nợ từ ngày 01/7/2020 đến ngày 30/6/2023:

- Khoanh nợ (thẩm quyền Chi cục trưởng Chi cục Thuế): khoanh nợ đối với 65 người nộp thuế, số tiền khoanh nợ 370 triệu đồng, lý do khoanh nợ: Khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 94.

- Xóa nợ (thẩm quyền Chủ tịch UBND tỉnh): xóa nợ 61 người nộp thuế, số tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp được xóa nợ là 150 triệu đồng, trong đó: xóa nợ 05 tổ chức với số tiền 129 triệu đồng, xóa nợ 56 cá nhân, hộ kinh doanh với số tiền 21 triệu đồng. Lý do xóa nợ: Khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 94. Cụ thể:

+ Năm 2020: xóa nợ đối với 05 người nộp thuế, số tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp được xóa nợ là 129 triệu đồng.

+ Năm 2021, 2022: không thực hiện xóa nợ

+ Năm 2023: xóa nợ đối với 56 người nộp thuế, số tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp được xóa nợ là 21 triệu đồng.

Tỷ lệ xóa nợ: đạt 100% (Tổng số tiền đã xử lý xóa nợ/Tổng số tiền chậm nộp tại thời điểm ngày 30/6/2020 = 150/150 triệu đồng).

3.7. Huyện Pác Nặm (Chi cục Thuế khu vực Ba Bể - Ngân Sơn - Pác Nặm)

Tại thời điểm ngày 30/6/2020, số người nộp thuế khó thu không còn khả năng

nộp NSNN là 7 người nộp thuế với tổng số tiền là 10,3 triệu đồng, xử lý nợ đạt 100% so với thời điểm ngày 30/6/2020. Tiền chậm nộp tại thời điểm ngày 30/6/2020 là 1,3 triệu đồng.

Kết quả xử lý nợ từ ngày 01/7/2020 đến ngày 30/6/2023:

- Khoanh nợ (thẩm quyền Chi cục trưởng Chi cục Thuế): 07 người nộp thuế với số tiền 09 triệu đồng, lý do khoanh nợ: theo khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 94.

- Xóa nợ (thẩm quyền Chủ tịch UBND tỉnh): năm 2020 xóa nợ cho 02 người nộp thuế là tổ chức, doanh nghiệp, số tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp được xóa nợ là 1,3 triệu đồng, lý do khoanh nợ: theo khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 94. Từ năm 2021 đến năm 2023 không thực hiện xóa nợ.

Tỷ lệ xóa nợ: đạt 100% (Tổng số tiền đã xử lý xóa nợ/Tổng số tiền chậm nộp tại thời điểm ngày 30/6/2020 = 1,3/1,3 triệu đồng).

3.8. Huyện Chợ Đồn (Chi cục Thuế huyện Chợ Đồn)

Tổng số người nộp thuế và số tiền thuế nợ đủ điều kiện xử lý nợ theo Nghị quyết số 94 là 40 người nộp thuế với tổng số tiền là 658 triệu đồng (giảm 17 người nộp thuế và giảm 3 triệu đồng so với số liệu báo cáo năm 2021), nguyên nhân là do một số doanh nghiệp, cá nhân chuyển sang nợ có khả năng thu hoặc được xử lý nợ theo Luật Quản lý thuế năm 2019 và điều chỉnh số tiền nợ theo quy định. Tiền chậm nộp tại thời điểm ngày 30/6/2020 là 194 triệu đồng.

Kết quả xử lý nợ từ ngày 01/7/2020 đến 30/6/2023:

- Khoanh nợ (thẩm quyền Chi cục trưởng Chi cục Thuế): khoanh nợ 36 người nộp thuế, số tiền khoanh nợ 464 triệu đồng, lý do khoanh nợ: Khoản 4, khoản 5 Điều 4 Nghị quyết số 94.

- Xóa nợ (thẩm quyền Chủ tịch UBND tỉnh): xóa nợ 32 người nộp thuế, số tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp được xóa nợ là 194 triệu đồng, trong đó xóa nợ 19 doanh nghiệp, tổ chức với số tiền 179 triệu đồng, xóa nợ 13 cá nhân, hộ kinh doanh với số tiền 15 triệu đồng. Lý do xóa nợ: theo khoản 4, khoản 5 Điều 4 Nghị quyết số 94. Cụ thể:

+ Năm 2020: xóa nợ đối với 19 người nộp thuế, số tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp được xóa nợ là 179 triệu đồng.

+ Năm 2021, 2022: không thực hiện xóa nợ.

+ Năm 2023: xóa nợ đối với 13 người nộp thuế, số tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp được xóa nợ là 15 triệu đồng.

Tỷ lệ xóa nợ: đạt 100% (Tổng số tiền đã xử lý xóa nợ/Tổng số tiền chậm nộp tại thời điểm ngày 30/6/2020 = 194/194 triệu đồng).

3.9. Huyện Na Rì (Chi cục Thuế huyện Na Rì)

Tổng số người nộp thuế và số tiền thuế nợ đủ điều kiện xử lý nợ theo Nghị

quyết số 94 là 179 người nộp thuế với tổng số tiền là 1.059 triệu đồng (giảm tăng 50 người nộp thuế và tăng 34 triệu đồng so với số liệu báo cáo năm 2021), nguyên nhân là do một số người nộp thuế được phân loại nợ khó thu sau thời điểm ngày 30/6/2023, những trường hợp này đủ điều kiện khoan, xóa nợ theo Nghị quyết số 94. Tiền chậm nộp tại thời điểm ngày 30/6/2020 là 435 triệu đồng.

Kết quả xử lý nợ từ ngày 01/7/2020 đến 30/6/2023:

- Khoanh nợ (thẩm quyền Chi cục trưởng Chi cục Thuế): khoanh nợ 168 người nộp thuế, số tiền khoanh nợ 946 triệu đồng, lý do khoanh nợ: Khoản 4, khoản 5 Điều 4 Nghị quyết số 94.

- Xóa nợ (thẩm quyền Chủ tịch UBND tỉnh): xóa nợ 76 người nộp thuế, số tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp được xóa nợ là 372 triệu đồng, trong đó xóa nợ 21 doanh nghiệp, tổ chức với số tiền 324 triệu đồng, xóa nợ đối với 55 cá nhân, hộ kinh doanh số tiền 48 triệu đồng. Lý do xóa nợ: theo khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 94. Cụ thể:

+ Năm 2020: xóa nợ đối với 02 người nộp thuế, số tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp được xóa nợ là 112 triệu đồng.

+ Năm 2021, năm 2022: không thực hiện xóa nợ.

+ Năm 2023: xóa nợ đối với 74 người nộp thuế, số tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp được xóa nợ là 260 triệu đồng.

Tỷ lệ xóa nợ: đạt 85,5% (Tổng số tiền đã xử lý xóa nợ/Tổng số tiền chậm nộp tại thời điểm ngày 30/6/2020 = 372/435 triệu đồng).

4. Đánh giá chung

4.1. Ưu điểm

Trước khi Quốc hội ban hành Nghị quyết số 94, tổng số nợ khó thu (nợ không còn khả năng nộp ngân sách) trên cả nước rất lớn, tính riêng địa bàn tỉnh Bắc Kạn, số nợ khó thu là 133.604 triệu đồng, trong đó tổng số tiền thuế nợ đủ điều kiện xử lý nợ theo Nghị quyết số 94 là 98.852 triệu đồng.

Đa số tiền nợ thuế khó thu và các khoản tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp phát sinh tương ứng trên đều là của các đơn vị đã bỏ kinh doanh, không còn hoạt động sản xuất kinh doanh tại địa chỉ đã đăng ký, các đơn vị đã bị áp dụng hết các biện pháp cưỡng chế và đã bị cơ quan quản lý thuế đề nghị thu hồi hoặc đã bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, đăng ký doanh nghiệp. Số nợ này không còn khả năng thu nộp ngân sách.

Sau khi Nghị quyết số 94 được ban hành, việc thực hiện các nội dung khoanh nợ tiền thuế, xóa nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp đã làm hạn chế các khoản tiền chậm nộp ảo tăng lên và giảm số nợ có khả năng thu trên toàn tỉnh. Tính đến thời điểm báo cáo, sau 03 năm thực hiện Nghị quyết số 94 đã thực hiện giảm được 95.455 triệu đồng tiền thuế nợ khó thu không còn khả năng nộp NSNN, trong đó

xử lý khoanh nợ 94.680 triệu đồng (số tiền chậm nộp đồng thời xử lý xóa nợ trong tổng số tiền thuế nợ đã khoanh nợ là 32.114 triệu đồng), xử lý xóa nợ 32.884 triệu đồng. Việc khoanh nợ, xóa nợ theo Nghị quyết số 94 góp phần làm giảm số nợ khó thu không còn khả năng nộp NSNN, giảm tổng số tiền thuế nợ đồng thời giảm thời gian, công sức, chi phí cho việc quản lý, theo dõi các khoản nợ này cho cơ quan thuế cũng như các cơ quan liên quan khác.

Mặt khác việc khoanh nợ, xóa nợ theo Nghị quyết số 94 không phải là vĩnh viễn. Trong trường hợp cơ quan quản lý thuế và các cơ quan chức năng khác phát hiện người nộp thuế quay trở lại hoạt động sản xuất, kinh doanh thì sẽ hủy các Quyết định đã khoanh nợ, xóa nợ trước đó và truy thu lại toàn bộ số tiền thuế nợ cũng như số tiền chậm nộp phát sinh tương ứng.

4.2. Khó khăn, vướng mắc

- Việc xác minh đối với trụ sở chính ở các tỉnh, thành phố khác của các Công ty có Chi nhánh hoạt động tại Bắc Kạn đã bỏ kinh doanh, không hoạt động tại địa chỉ đăng ký mất nhiều thời gian, chi phí, khó thực hiện.

- Việc xử lý nợ theo Nghị quyết số 94 là xử lý với người nộp thuế nợ tiền thuế, tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp phát sinh trước ngày 01/7/2020, nhiều trường hợp nợ thuế đã lâu nên hồ sơ, tài liệu bị thất lạc, không thể thu thập đầy đủ hồ sơ để tiến hành xử lý nợ theo quy định.

- Đối với một số trường hợp doanh nghiệp có khoản thuế nợ khó thu lớn, cơ quan quản lý thuế đã áp dụng hết biện pháp cưỡng chế, đã đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, đăng ký doanh nghiệp nhưng chưa thể thu hồi hoặc đã thu hồi nhưng doanh nghiệp vẫn hoạt động khiến cho cơ quan quản lý thuế không thể thực hiện xử lý nợ theo quy định tại Nghị quyết số 94.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, GIẢI PHÁP XỬ LÝ NỢ TRONG THỜI GIAN TIẾP THEO

1. Phương hướng, nhiệm vụ xử lý nợ

Nghị quyết số 94 được thực hiện trong 03 năm kể từ ngày 01/7/2020 đến hết ngày 30/6/2023, trong 03 năm đã thực hiện xử lý được 95.455 triệu đồng (tiến độ thực hiện đạt $96,6\% = 95.455/98.852$) tiền thuế nợ khó thu. Trong đó, xử lý xóa nợ được 32.889 triệu đồng đạt tỷ lệ 74% (Tổng số tiền xử lý xóa nợ toàn tỉnh/ Tổng số tiền chậm nộp tại thời điểm 30/6/2020 toàn tỉnh = $32.889/44.465$).

Trong thời gian tới, việc xử lý nợ được thực hiện theo quy định tại Luật Quản lý thuế năm 2019. Nhiệm vụ xử lý nợ trong thời gian tiếp theo:

- Thực hiện xử lý nợ 100% các trường hợp thuộc đối tượng xử lý nợ và có hồ sơ đầy đủ, đúng quy định của Luật Quản lý thuế năm 2019.

- Phấn đấu đến 31/12/2023 xử lý được trên 50% các khoản nợ khó thu tại thời điểm 30/6/2020 (thực hiện theo Luật Quản lý thuế năm 2019).

2. Giải pháp thực hiện

- Hằng năm Tổng cục Thuế giao chỉ tiêu thu nợ, xử lý nợ cho Cục Thuế tỉnh và Cục Thuế tỉnh giao chỉ tiêu xử lý nợ đến từng Chi cục Thuế, từng cán bộ quản lý thuế.

- Tiếp tục rà soát, xác định đúng các đối tượng được xử lý nợ, thu thập, bổ sung, hoàn thiện và lập đầy đủ hồ sơ khoanh nợ tiền thuế, xóa nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp đối với người nộp thuế không còn khả năng nộp ngân sách nhà nước.

- Đối với những trường hợp có số tiền thuế nợ phát sinh trước thời điểm 01/7/2020 chưa thực hiện xử lý được theo Nghị quyết số 94, tiếp tục hoàn thiện hồ sơ và thực hiện khoanh, xóa nợ ngay đối với các trường hợp đủ điều kiện theo quy định Luật Quản lý thuế năm 2019.

- Các sở, ban, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố phối hợp với cơ quan thuế trong việc hoàn thiện, bổ sung hồ sơ liên quan để thực hiện xử lý nợ.

Trên đây là Báo cáo kết quả xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn theo Luật Quản lý thuế năm 2019 và Nghị quyết số 94, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Thuế tỉnh;
- Công an tỉnh, Thanh tra tỉnh;
- CVP, PCVP (Ô. Nguyễn);
- Lưu: VT, TH (Tuyết).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đăng Bình

**BIỂU CÁC QUYẾT ĐỊNH
XÓA NỢ TIỀN PHẠT CHẬM NỘP, TIỀN CHẬM NỘP**

*(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)*

STT	Số Quyết định	Số NNT được xóa nợ	Số tiền (đồng)	Lý do xóa nợ
1	Quyết định số 2418/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 (Doanh nghiệp)	02	51.322.497	K5, Đ4, NQ số 94
2	Quyết định số 2419/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 (Doanh nghiệp)	17	127.059.339	K4, Đ4, NQ số 94
3	Quyết định số 2440/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 (Doanh nghiệp)	04	428.127.512	K5, Đ4, NQ số 94
4	Quyết định số 2441/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 (Doanh nghiệp)	02	23.028.987	K2, Đ4, NQ số 94
5	Quyết định số 2442/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 (Doanh nghiệp)	41	312.347.395	K4, Đ4, NQ số 94
6	Quyết định số 2443/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 (Doanh nghiệp)	10	87.608.483	K4, Đ4, NQ số 94
7	Quyết định số 2444/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 (Doanh nghiệp)	02	112.049.811	K4, Đ4, NQ số 94
8	Quyết định số 2445/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 (Doanh nghiệp)	04	4.207.624.221	K4, Đ4, NQ số 94
9	Quyết định số 2447/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 (Doanh nghiệp)	08	3.681.521.068	K4, Đ4, NQ số 94
10	Quyết định số 2449/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 (Doanh nghiệp)	11	2.889.765.165	K4, Đ4, NQ số 94
11	Quyết định số 759/QĐ-UBND ngày 31/5/2021 (Doanh nghiệp)	15	142.387.084	K4, Đ4, NQ số 94
12	Quyết định số 760/QĐ-UBND ngày 31/5/2021, trong đó: - Có 06 NNT là Doanh nghiệp với số tiền 217.206.071 đồng; - Có 49 NNT là Cá nhân với số tiền 6.395.204 đồng	55	223.601.275	K4, Đ4, NQ số 94
13	Quyết định số 2583/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 (Doanh nghiệp)	02	98.415.229	K4, Đ4, NQ số 94
14	Quyết định số 60/QĐ-UBND ngày 16/01/2023, trong đó: - Có 19 NNT là Doanh nghiệp với số tiền 211.755.888 đồng; - Có 55 NNT là Cá nhân với số tiền 47.835.152 đồng	74	259.591.040	K4, Đ4, NQ số 94
15	Quyết định số 73/QĐ-UBND ngày 17/01/2023 (Doanh nghiệp)	02	569.493.091	K5, Đ4, NQ số 94

16	Quyết định số 74/QĐ-UBND ngày 17/01/2023 (Doanh nghiệp)	12	2.447.296.344	K2, Đ4, NQ số 94
17	Quyết định số 75/QĐ-UBND ngày 17/01/2023 (Doanh nghiệp)	18	994.020.037	K4, Đ4, NQ số 94
18	Quyết định số 85/QĐ-UBND ngày 18/01/2023 (Doanh nghiệp)	03	8.533.619.407	K5, Đ4, NQ số 94
19	Quyết định số 87/QĐ-UBND ngày 18/01/2023 (Doanh nghiệp)	56	5.133.601.219	K4, Đ4, NQ số 94
20	Quyết định số 553/QĐ-UBND ngày 03/4/2023 (Cá nhân)	13	15.343.094	K4, Đ4, NQ số 94
21	Quyết định số 698/QĐ-UBND ngày 20/4/2023 (Doanh nghiệp)	11	152.876.812	K4, Đ4, NQ số 94
22	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 20/4/2023 (Doanh nghiệp)	04	161.483.138	K2, Đ4, NQ số 94
23	Quyết định số 743/QĐ-UBND ngày 28/4/2023 (Doanh nghiệp)	01	1.019.662.505	K5, Đ4, NQ số 94
24	Quyết định số 746/QĐ-UBND ngày 28/4/2023 (Doanh nghiệp)	34	329.744.892	K4, Đ4, NQ số 94
25	Quyết định số 758/QĐ-UBND ngày 04/5/2023 (Doanh nghiệp)	01	5.810.100	K2, Đ4, NQ số 94
26	Quyết định số 842/QĐ-UBND ngày 17/5/2023 (Cá nhân)	165	67.964.867	K4, Đ4, NQ số 94
27	Quyết định số 843/QĐ-UBND ngày 17/5/2023 (Doanh nghiệp)	03	40.219.603	K5, Đ4, NQ số 94
28	Quyết định số 844/QĐ-UBND ngày 17/5/2023 (Cá nhân)	03	1.260.143	K1, Đ4, NQ số 94
29	Quyết định số 847/QĐ-UBND ngày 17/5/2023 (Doanh nghiệp)	01	34.696.248	K2, Đ4, NQ số 94
30	Quyết định số 1000/QĐ-UBND ngày 08/6/2023 (Cá nhân)	56	21.288.347	K4, Đ4, NQ số 94
31	Quyết định số 1001/QĐ-UBND ngày 08/6/2023, trong đó:	275	717.093.426	K4, Đ4, NQ số 94
	- Có 37 NNT là Doanh nghiệp với số tiền 567.588.898 đồng; - Có 238 NNT là Cá nhân với số tiền 149.504.528 đồng			
Tổng số		905	32.889.922.379	